

Bản án số: 805/2020/HS-PT  
Ngày 22 - 12 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tưu

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 363/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 5 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Bị cáo (có kháng cáo):**

**Nguyễn Minh T**, sinh năm 1988 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; vợ tên Phạm Thị Cẩm C, sinh năm 1991; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo được tại ngoại (có mặt).

**- Các bị cáo (không có kháng cáo):**

1/ **Hồ Văn M**, sinh năm 1990 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954; vợ tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh

năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2018 cho đến nay.

2/ Phan Hiếu N, sinh ngày 02/9/1978 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B, sinh năm 1938 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1952; vợ tên Phạm Tuyết N, sinh năm 1976; con có 01 người sinh năm 2002; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2018 cho đến nay.

3/ Lê Tự L (tên gọi khác: D), sinh ngày 01/7/1988 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; vợ tên Thạch Thị Kim C, sinh năm 1993; con có 01 người sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo được tại ngoại.

4/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp T, xã Long T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Ngô Thị C, sinh năm 1956; vợ tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1993; con có 01 người sinh năm 2015; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2019 cho đến nay.

5/ Lâm Văn K, sinh năm 1986 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp Bình Minh 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn B, sinh năm 1959 và bà Trần Thị C, sinh năm 1962; vợ tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1992; con có 01 người sinh năm 2012; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2019 cho đến nay.

6/ Lâm Văn N (tên gọi khác: Út Nhỏ), sinh năm 1986 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp Mũi Tràm C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; vợ tên Trần Thị H, sinh năm 1986; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2019 cho đến nay.

7/ Lâm Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp Mũi Tràm C, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không đi học; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; vợ tên Dương Thị P, sinh năm 1975; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2019 cho đến nay.

*- Bị hại:*

1/ Công ty cổ phần LILAMA 10

Trụ sở: Tòa nhà LILAMA 10, phố T, phường T, Quận N, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh H – Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình Nhiệt điện D 3 mở rộng, Xí nghiệp Lắp máy và Xây dựng 10-1 thuộc Công ty LILAMA 10.

2/ Công ty LILAMA 69-1

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Khắc Đ – Chức vụ: Trưởng Ban Tổ chức hành chính dự án. Địa chỉ: ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

3/ Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Huy N – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 84 Lê Lai, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Dương Tấn P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

3/ Ông Võ Văn U, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

4/ Ông Ngô Nhựt T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Ông Trần Bá H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số 109 tổ 3, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

6/ Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1953. Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/ Bà Phạm Tuyết N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

8/ Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

9/ Ông Huỳnh Bạch Đ, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

10/ Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

(Trong vụ án này các bị cáo Hồ Văn M, Phan Hiếu N, Lê Tự L, Nguyễn Văn T, Lâm Văn K, Lâm Văn N, Lâm Văn T không có kháng cáo, không bị kháng nghị; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Hồ Văn M làm Công nhân cho Công ty cổ phần Lilama 10 (sau đây được viết tắt là Công ty Lilama 10) là nhà thầu phụ thi công công trình Nhà máy nhiệt điện D 3 mở rộng thuộc ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình làm việc, bị cáo M phát hiện 04 (bốn) thùng bulong của Công ty đang để ở khu vực kho, đến khoảng cuối tháng 4/2018, bị cáo M nảy sinh ý định trộm số bulong này bán lấy tiền tiêu xài. M điện thoại cho người cậu là Dương Tấn P, sinh năm 1988, ngụ ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đang công tác tại Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng Trường Long Hòa, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và chịu trách nhiệm phụ trách bảo vệ Trung Tâm điện lực D. Qua điện thoại M nói Cậu P ơi có khoảng 10 tấn sắt trong nhà máy đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau xài, P nói có gì liên hệ với Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, cư trú tại ấp T, xã Long T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Để thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo M đã bàn bạc với bị cáo Phan Hiếu N là bảo vệ của Công ty Lilama 10 để giúp sức cho M bằng cách làm ngơ để M lấy trộm đem bán thì Nhân đồng ý. Theo M trình bày thì M tìm gặp T bàn kế hoạch lấy trộm số tài sản trên thì T T và yêu cầu rủ thêm Nguyễn Chí H, sinh năm 1986, ngụ ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cùng tham gia. Theo kế hoạch khi lấy được tài sản thì đi ra bằng đường biển cho an toàn, M phụ trách tìm thuê xe, cầu vĩ sắt và 04 thùng bulong đến khu vực cảng tạm (hay còn gọi là cảng Phú Xuân) cách đó khoảng 42 mét, T lo tìm thuê ghe để chở số tài sản lấy được đi bán. M nhờ P thuê được xe cầu của Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992, tạm trú tại ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh với giá 7.000.000đ và P thuê dùm ghe của anh Võ Văn U, sinh năm 1984, thường trú tại ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh với giá 4.000.000đ.

Chiều ngày 01/5/2018, M điện cho Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992, ngụ ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh thuê xe cầu (xe Nguyễn Hoàng T đang hoạt động trong công trường) thì Nguyễn Hoàng T đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 02/5/2018, M gọi điện cho Nguyễn Hoàng T qua công trường nhưng Nguyễn Hoàng T không đi mà kêu tài xế Trần Quốc C, sinh năm 1987, ngụ ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đến cùng vào công trường với M và H. Khi vào công trường, thấy H cầm theo kèm cộng lực, C nghi ngờ đồ chuẩn bị cầu không hợp pháp nên điện về cho Nguyễn Hoàng T hay nhưng không cho M và H biết. Nghe C nói vậy, Nguyễn Hoàng T kêu C tìm cách làm xe hư để không cầu nữa. Lúc này, C đến xe cầu tự cắt dây điện và nói với M là xe hư không cầu được, M điện cho T nói xe hư thì T kêu nghỉ về mai tính nên cả ba cùng ra về.

Vào đêm ngày 02 rạng sáng ngày 03 tháng 5 năm 2018, M rủ thêm Nguyễn Chí H, sinh năm 1986 thường gọi là “Hải Buốt”, có hộ khẩu tại ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và Nguyễn Hoàng T đi vào khu vực kho của Công ty Lilama 10, Nguyễn Hoàng T đã sử dụng xe cầu tiến hành cắt 04 (bốn) thùng bulong của Công ty Lilama 10 và 01 (một) tấm vĩ kim loại của Công ty Lilama

69-1 lên xe cầu. Khi đang cầu thì bị cáo Nguyễn Minh T là bảo vệ của Công ty Hoàng Long Hải đi tuần tra phát hiện, do cũng có quen biết, Nguyễn Minh T đã điện báo cho Lập (Lập là cấp trên của Nguyễn Minh T), đồng thời ngay lúc này M cũng điện thoại báo cho Lập biết, Lập chỉ đạo Nguyễn Minh T để cho M thực hiện, bị cáo Nguyễn Minh T đã chấp hành chỉ đạo của Lập mặc dù biết M đang trộm cắp tài sản. Khi nhóm của M đang cầu, phát hiện lực lượng an toàn của tổng thầu đi tuần tra thì Nguyễn Minh T còn chủ động báo cho M biết để tránh bị phát hiện.

Đến khoảng 02 giờ ngày 03/5/2018, khi cầu xong 04 thùng bulong và tám vĩ kim loại lên xe, M kêu Nguyễn Hoàng T chở đến khu vực cảng tạm gần công trình nhà máy nhiệt điện (hay còn gọi là cảng Phú Xuân), sau đó cầu tất cả xuống ghe của anh Võ Văn U đang chờ sẵn, M và H xuống ghe đi cùng với Dương Quang Đ, sinh năm 1988, thường trú tại ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và Đoàn Văn S, sinh năm 2003, thường trú tại ấp Mù U, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là người làm công cho anh Võ Văn U, Nguyễn Hoàng T ở lại ngủ trên xe cầu trong công trường.

Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 03/5/2018, khi ghe chạy đến cảng Thanh Tuấn thuộc ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, M kêu Nguyễn Hoàng T chạy xe đến để cầu số hàng lên bờ. Lúc này, M cũng điện thoại cho T biết đã đem 04 (bốn) thùng bulong và 01 (một) tấm vĩ kim loại đến cảng. T liên lạc với anh Ngô Nhựt T, sinh năm 1981, thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ cơ sở thu mua phế liệu và anh T đã đồng ý mua số bulong này với giá 7.000đ/kg. Khi anh T chạy xe tải đến khu vực cảng Thanh Tuấn thì Nguyễn Hoàng T tiến hành cầu 04 thùng bulong lên xe của anh T, đối với tấm vĩ kim loại thì M đã bán lại cho Nguyễn Hoàng T với giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), cân trừ tiền cầu nên Nguyễn Hoàng T đã trả ngược lại cho M số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau đó M, T và T cùng chở 04 thùng bulong này đến trạm cân Tân Vạn Thuận thuộc ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cân trọng lượng. Tại trạm cân kết quả cân 04 (bốn) thùng bulong có tổng trọng lượng là 13.900kg (Mười ba nghìn chín trăm kilôgam). Cũng trong ngày anh Ngô Nhựt T đã bán lại 04 (bốn) thùng bulong này cho Công ty TNHH luyện cán thép Hùng Cường có trụ sở tại khu phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do anh Trần Bá H, sinh năm 1971, cư trú tại số 109 tổ 3, Khu Phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương làm Giám đốc Công ty. Sau khi thu mua, Công ty Hùng Cường đã nung nóng chảy 01 (một) thùng trọng lượng 3.600kg (Ba nghìn sáu trăm kilôgam), còn lại 03 (ba) thùng trọng lượng 10.300kg (Mười nghìn ba trăm kilôgam), sau khi biết là tài sản do phạm tội mà có nên anh Trần Bá H đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với tấm vĩ kim loại anh Nguyễn Hoàng T cũng đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra sau khi biết rõ sự việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 06/BKLDGTS ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ Tụng hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận

04 (bốn) thùng bulong và 01 (một) tấm vĩ kim loại có tổng giá trị là 149.487.156 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm năm mươi sáu đồng) (Bút lục 37-38).

Đối với Nguyễn Văn T: quá trình điều tra bị cáo M đều khai nhận trước khi trộm cắp tài sản thì có bàn bạc trước với T và T kêu M rủ thêm đối tượng Nguyễn Chí H, do không thể lấy tài sản đi ra bằng đường công chính nên việc thuê ghe cũng như xe cầu thì do T và P thực hiện. Còn T chỉ thừa nhận mua phế liệu do M bán và tiền T bán phế liệu cho T được số tiền 97.000.000đ thì T chỉ giữ lại tiền chênh lệch T hưởng là 14.000.000đ, còn lại trả hết cho M. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T về hành vi nêu trên. Đồng thời chứng minh được số tiền T trả T là 97.000.000đ thì T đưa cho M 20.000.000đ, T đưa cho Dương Tấn P 20.000.000đ và Lê Tự L 8.000.000đ.

Đối với Dương Tấn P, quá trình điều tra P thừa nhận quen biết M và T, do hai người này nói mua được sắt phế liệu trong công trường và nhờ thuê ghe, xe cầu để vận chuyển số tài sản này nên đã thuê giúp, P hoàn toàn không biết tài sản do trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Dương Tấn P về hành vi nêu trên và có văn bản số 814/CQĐT-PC02 ngày 28/11/2018 thông báo đến Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh để xem xét xử lý đối với Dương Tấn P theo quy định. Ngoài ra, P còn nhận từ T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), sau đó trả tiền thuê ghe cho anh Võ Văn U 5.000.000đ (Năm triệu đồng), P được M và T cho 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thì P đã tiêu xài hết, do nhận thấy hành vi của mình là sai nên P đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), T còn nhờ P cho anh Huỳnh Bạch Đ công tác tại Công an thị xã D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nhưng không có chứng cứ nào thể hiện anh Đăng nhận tiền của P.

Đối với Nguyễn Chí H thường gọi “Hải Buốt”, tuy H đã cùng với M thực hiện tội phạm nhưng khi rủ H cùng tham gia thì M không nói rõ là trộm cắp tài sản. Mặt khác, sau khi xảy ra vụ án H đã đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần, tập trung xác minh và ra thông báo truy tìm nhưng không làm việc được với Nguyễn Chí H nên tại thời điểm kết luận điều tra, thời điểm quyết định truy tố cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý đối với Nguyễn Chí H mà các cơ quan này quyết định sẽ tiếp tục truy tìm, làm rõ xử lý sau. Nhưng sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì phát hiện H trở về địa phương nên Tòa án ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của H. Tại văn bản số 172/CV - VKS -P1 ngày 22/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xác định H không đồng phạm trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Hoàng T, Võ Văn U, Dương Quang Đảo và Đoàn Văn Sơn: những người này đã nhận câu thuê, chở thuê để hưởng tiền công chứ không biết tài sản là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với họ. Riêng Nguyễn Hoàng T, ngoài nhận câu thuê cho M với giá 7.000.000đ thì Nguyễn Hoàng T còn mua lại từ M 01 (một) tấm vĩ bằng kim

loại với giá 12.000.000đ, tuy nhiên Nguyễn Hoàng T cũng không biết tài sản này là do M trộm cắp mà có nên cũng không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự của Nguyễn Hoàng T về hành vi này.

Đối với Ngô Nhật T và Trần Bá H: đều là những người tiêu thụ nhưng cả hai người không biết 04 (bốn) thùng bulong này do M cùng đồng bọn trộm cắp đem đi bán nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ngô Nhật T và Trần Bá H.

Quá trình điều tra, bị cáo Hồ Văn M còn khai nhận vào tháng 4 năm 2018 bị cáo cùng với một số đối tượng khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long tại thành phố Hồ Chí Minh, kho để tài sản đặt tại ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 17/4/2018 bị cáo Nguyễn Văn T rủ bị cáo Lâm Văn K đi đến kho ống của Chi nhánh công ty TNHH MTV BCA Thăng Long tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, lấy trộm ống thép mạ kẽm nhúng nóng bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trước khi thực hiện, bị cáo T Nguyễn Minh T tiếp chờ bị cáo K đến kho ống quan sát địa hình, tìm đường ra và kêu K rủ bị cáo Lâm Văn N và Lâm Văn T cùng thực hiện. Sau đó bị cáo K rủ các bị cáo Lâm Văn N (Út Nhỏ) và bị cáo Lâm Văn T. Đồng thời, bị cáo T cũng gặp riêng và rủ bị cáo Hồ Văn M, đối tượng Nguyễn Chí H (Hải Buốt), sinh năm 1986, cư trú tại ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cùng đi trộm ống kim loại. Khi đến kho Công ty là khoảng 20 giờ cùng ngày, lợi dụng đêm tối các bị cáo đã lén lút lấy trộm tổng cộng 46 ống thép mạ kẽm nhúng nóng, trong đó có 18 ống phi 100 (đường kính 100mm) và 28 ống phi 50 (đường kính 50mm), mỗi ống dài 06 mét, vác đi bộ ra ngoài đặt tại bãi đất trống cách kho ống khoảng 100 mét, trong quá trình vác ống thì bị cáo T có tham gia vác 02 -03 ống thì nghỉ vác và đi ra ngoài nghỉ, sau khi vác được số ống trên thì mọi người đều mệt, không thể vác được nữa nên nghỉ tuy trong kho còn rất nhiều ống. Sau khi vác số ống này ra ngoài thì T kêu M điện thoại thuê xe cầu của Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại ấp Sơn Phú, xã Đại Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, tạm trú ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh với giá 3.000.000đ, Nguyễn Hoàng T đồng ý chạy xe cầu đến nơi để số ống cùng với người làm thuê là Trần Quốc C, chạy đến nơi để ống theo chỉ dẫn của M. Tất cả số ống được cầu lên xe của Nguyễn Hoàng T, sau đó M, N, T, K, H lên xe cầu cùng Nguyễn Hoàng T chở ra cầu Cồn Tàu thuộc xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh thì gặp xe tải đậu chờ sẵn, xe tải là của Ngô Nhật T, sinh năm 1981, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bị cáo T điện thoại kêu xuống để T bán phế liệu, thời điểm này bị cáo T cũng có mặt tại đây. Sau khi cầu xong tất cả số ống từ xe cầu qua xe tải, bị cáo T lên xe đi cùng T đi đến trạm cân Tân Vạn Thuận thuộc ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để cân trọng lượng, bị cáo K chạy xe của T đi theo xe của T, còn các bị cáo M, N, T và H thì theo xe của Nguyễn Hoàng T trở về, sau đó bị cáo N, T ở lại nhà trọ, riêng M, H thay đồ xong thì M chở H bằng xe mô tô của M chạy đến trạm cân gặp T, K và T. Số ống cân này bị cáo T nhớ là cân được 2.820kg, ngoài ra không

ai khác nhớ chính xác bao nhiêu, không có tài liệu nào chứng minh. Khoảng một đến hai ngày sau, T đi xuống xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, gặp Nguyễn Minh T tiếp bị cáo T trả tiền mua ống cho T với số tiền 14.100.000đ. Khi đã có tiền, T Nguyễn Minh T tiếp trả tiền xe cầu cho Nguyễn Hoàng T 3.000.000đ và chia cho bị cáo M 1.500.000đ do vợ của M tên Nguyễn Thị Ngọc H nhận. Các bị cáo K, N và T vẫn chưa nhận được khoản tiền nào; riêng Nguyễn Chí H đã bỏ địa phương chưa làm việc được. (các bút lục: 325-328, 719-724, 726-739, 766-768, 927-932, 938-954)

Theo bản kết luận định giá tài sản số 01/BKLĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ Tụng hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận: giá trị các tài sản như sau: 28 ống, mỗi ống có đường kính 50mm (05cm) còn gọi là phi 50 và 18 ống, mỗi ống có đường kính 100mm (10cm) còn gọi là phi 100. Tổng giá trị tài sản định giá là 60.744.000đ. Bút lục: 820-821.

Đối với Nguyễn Hoàng T: đã nhận cầu thuê để hưởng tiền công chứ không biết tài sản là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Hoàng T.

Đối với Ngô Nhựt T: đã mua lại số ống kim loại và bán cho người khác không nhớ đã bán cho ai, nhưng anh T hoàn toàn không biết tài sản này do các bị cáo M, K, N, T trộm cắp đem đi bán nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Nhựt T.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 5 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã tuyên xử:*

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn M, Phan Hiếu N, Lê Tự L ập, Nguyễn Văn T, Lâm Văn K, Lâm Văn N, Lâm Văn T; phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2020, bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo.



Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng, mặc dù không tham gia bàn bạc vào kế hoạch trộm cắp tài sản của Công ty Lilama 10, đồng thời cũng không được hưởng lợi ích vật chất. Nhưng bị cáo khi phát hiện thấy hành vi của Hồ Văn M có dấu hiệu khả nghi đã điện thoại cho Lê Tự L là cấp trên của Nguyễn Minh T để thông báo. Tuy nhiên khi được Lê Tự L chỉ đạo để cho Hồ Văn M thực hiện, bị cáo Nguyễn Minh T đã chấp hành yêu cầu của Lập. Khi nhóm của M đang thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, phát hiện lực lượng an toàn của tổng thầu đi tuần tra thì Nguyễn Minh T còn chủ động báo cho M biết để tránh bị phát hiện. Do đó cấp sơ thẩm quy kết hành vi của bị cáo thực hiện với vai trò là đồng phạm giúp sức là có căn cứ. Hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Minh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm:

[1] Nguyễn Minh T là bảo vệ của Công ty Hoàng Long có nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự công trình Nhà máy nhiệt điện D 3 mở rộng thuộc ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do Công ty Lilama 10 và Công ty Lilama 69-1 thi công. Vào đêm ngày 02/5/2018 Nguyễn Minh T là ca trưởng trong tổ Nguyễn Minh T đêm phát hiện thấy hành vi của Hồ Văn M có dấu hiệu khả nghi đã điện thoại cho Lê Tự L là cấp trên của Nguyễn Minh T để thông báo. Tuy nhiên khi được Lê Tự L chỉ đạo để cho Hồ Văn M thực hiện, bị cáo Nguyễn Minh T đã chấp hành yêu cầu của Lập. Khi nhóm của M đang thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, phát hiện lực lượng an toàn của tổng thầu đi tuần tra thì Nguyễn Minh T còn chủ động báo cho M biết để tránh bị phát hiện.

[2] Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, do đó đủ căn cứ xác định bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội, gây bất ổn cho xã hội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Minh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi và hậu quả

mà bị cáo gây ra. Đồng thời cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù là không nặng. Do đó kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm về hành vi của Nguyễn Văn T và Dương Tấn P liên quan trong vụ trộm tài sản của Công ty LiLaMa-10 và LiLaMa 69-1. Hội đồng xét xử nhận thấy: Kiến nghị của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh là có căn cứ. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh cũng đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục duy trì kiến nghị cấp Giám đốc thẩm xem xét lại bản án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm liên quan đến hành vi của Nguyễn Văn T và Dương Tấn P.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a và khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 5 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh về phần hình phạt đối với Nguyễn Minh T.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (1)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Tây Ninh; (2)
- (để tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu VT (6), HS (2) T.17 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**